

Số: ...../2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

**Dự thảo**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định việc chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp  
dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi  
Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi  
Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật Tài nguyên nước số  
28/2023/QH15, Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật  
số 90/2025/QH15, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, Luật Phục hồi, phá  
sản số 142/2025/QH15;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc chào bán trái phiếu ra công  
chúng của doanh nghiệp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về việc chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) và các hoạt động liên quan khác.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư chứng khoán và hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động về chứng

khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trái phiếu chào bán ra công chúng của doanh nghiệp dự án PPP (sau đây gọi là Trái phiếu) là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm thanh toán.

2. Tài sản bảo đảm đối với trái phiếu chào bán ra công chúng của doanh nghiệp dự án PPP (sau đây gọi là tài sản bảo đảm) là tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của tổ chức phát hành; tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của bên thứ ba (nếu có).

3. Các thuật ngữ không được nêu tại Điều này được hiểu theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 4. Quy định chung**

1. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của tổ chức phát hành có trách nhiệm tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 245/2025/NĐ-CP).

2. Trường hợp doanh nghiệp dự án PPP đáp ứng các điều kiện về chào bán trái phiếu ra công chúng quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019, doanh nghiệp dự án PPP được lựa chọn thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Việc nộp, bổ sung hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các khoản 3, 4, 5, 6, 7,8 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

4. Đối với các trái phiếu đã được phát hành, trừ điều kiện về Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, các điều kiện, điều khoản của trái phiếu chỉ được thay đổi khi đáp ứng các quy định sau:

a) Được cấp có thẩm quyền của tổ chức phát hành thông qua;

b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận, ngoại trừ các điều khoản trái phiếu được

phép thay đổi theo phương án phát hành đã được công bố trong Bản công bố thông tin;

c) Thông tin về việc thay đổi được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán.

### **Điều 5. Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa**

1. Tổ chức phát hành phải mở 01 tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành. Tài khoản phong tỏa không được trùng với tài khoản thanh toán của tổ chức phát hành.

3. Tiền mua trái phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tổ chức phát hành không được sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa dưới bất cứ hình thức nào cho đến khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## **Chương II**

### **CHÀO BÁN VÀ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU**

#### **Điều 6. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp dự án PPP**

1. Các điều kiện quy định tại điểm a, c, d, e, h, i khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (sau đây gọi là Luật Chứng khoán 2019).

2. Có hợp đồng dự án PPP được ký kết theo quy định của pháp luật.

3. Được bảo đảm thanh toán toàn bộ lãi và gốc trái phiếu như sau:

a) Trường hợp tổ chức phát hành chưa đủ điều kiện vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định, trái phiếu phát hành phải được bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang toàn bộ lãi và gốc trái phiếu bởi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật. Việc bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

b) Trường hợp tổ chức phát hành đủ điều kiện vận hành, kinh doanh công

trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định, trái phiếu phát hành được bảo đảm bằng tài sản và/hoặc bảo lãnh thanh toán theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và được đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

4. Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

5. Có đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 1, khoản 2, các điểm a, b, c, d khoản 3, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và điểm đ khoản 3 Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

6. Trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập, ngoại trừ trường hợp trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ lãi và gốc trái phiếu. Trường hợp trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ lãi và gốc, tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán phải được xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán và tổ chức phát hành.

7. Tổng số vốn vay, bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành (trừ trường hợp phát hành trái phiếu để cơ cấu lại khoản nợ) và các hình thức vay vốn khác (nếu có) không vượt quá tổng số vốn vay theo quy định tại hợp đồng dự án PPP và các Phụ lục hợp đồng (nếu có)". Tổ chức phát hành không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm.

### **Điều 7. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp dự án PPP**

1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản công bố thông tin theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hợp đồng dự án PPP.

4. Tài liệu chứng minh đủ điều kiện vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng trong trường hợp tổ chức phát hành đủ điều kiện theo quy định.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán, trong đó:

a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán, loại trái phiếu

chào bán; số lượng trái phiếu chào bán; lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu; phương thức bảo đảm thanh toán; thứ tự ưu tiên thanh toán trả nợ vốn; phương án xử lý trả nợ lãi, gốc trái phiếu trong trường hợp tổ chức phát hành bị chấm dứt hợp đồng dự án PPP;

b) Trường hợp đợt chào bán nhằm mục đích huy động phân vốn để thực hiện dự án PPP, phương án sử dụng vốn phải bao gồm nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.

6. Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành trong năm gần nhất phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Trường hợp hồ sơ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính năm của năm trước đó trong hồ sơ ban đầu có thể là báo cáo tài chính chưa có kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề; trường hợp tổ chức phát hành hoàn thiện hồ sơ sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động chưa đủ 01 năm, báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm đăng ký chào bán được thay bằng báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

7. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

8. Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế trong trường hợp trái phiếu được bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán.

9. Đối với trường hợp bảo đảm bằng tài sản: tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản được dùng để bảo đảm thanh toán trái phiếu (trường hợp bảo đảm bằng tài sản khác); cam kết của bên thứ ba về việc dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba); hợp đồng dự án PPP, tài liệu chứng minh có đủ điều kiện vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định (trường hợp bảo đảm bằng tài sản là quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của bên thứ ba); hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành; hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có) đối với các tài sản này; chứng thư thẩm định giá tài sản bảo đảm còn hiệu lực; văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm (nếu có). Văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng

ký chào bán.

10. Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có) bao gồm các nội dung tối thiểu theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp có tổ hợp bảo lãnh phát hành, cam kết bảo lãnh phát hành của tổ chức bảo lãnh phát hành chính phải kèm theo hợp đồng giữa các tổ chức bảo lãnh phát hành. Các tài liệu này phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

11. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu đăng ký chào bán hoặc đối với tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký chào bán.

12. Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

13. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, các điểm d, e, g, khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán 2019, điểm i Điều 18 Luật Chứng khoán 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 7 Điều 1 của Luật số 56/2024/QH15 và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019.

#### **Điều 8. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu ra công chúng**

1. Tổ chức phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Tổ chức phát hành có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 22 Luật Chứng khoán 2019 và quy định tại Nghị định này.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc yêu cầu hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, tổ chức phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 06 Bản công bố thông tin chính thức để hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc từ chối theo quy định tại Điều 25 Luật Chứng khoán 2019.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, tổ chức phát hành phải công bố Bản thông báo phát hành theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán 2019 và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, Sở giao dịch chứng khoán. Bản công bố thông tin chính thức phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành và Sở giao dịch chứng khoán.

6. Tổ chức phát hành thực hiện phân phối chứng khoán theo quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán 2019.

7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Chứng khoán 2019 và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt chào bán.

8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản cho tổ chức phát hành về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán, đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Đăng tải thông tin về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

9. Sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức phát hành được yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.

### **Điều 9. Đăng ký, lưu ký trái phiếu**

1. Trái phiếu của doanh nghiệp dự án PPP phải được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Doanh nghiệp dự án PPP thực hiện đăng ký thông tin về doanh nghiệp, trái phiếu phát hành và người sở hữu trái phiếu với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

### **Điều 10. Niêm yết trái phiếu của doanh nghiệp dự án PPP**

Sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, doanh nghiệp dự án PPP phải tuân thủ quy định về việc niêm yết trái phiếu tại khoản 1, khoản 3 Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi điểm a khoản 44 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Việc thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 118a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 45 Điều 1 của Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

### **Điều 11. Hủy bỏ niêm yết trái phiếu bắt buộc**

Trái phiếu của doanh nghiệp dự án PPP bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm khoản 47 Điều 1 của Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, điểm b

khoản 5 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, điểm c khoản 5 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm đ khoản 47 Điều 1 của Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

### **Chương III**

## **SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

### **Điều 12. Mục đích chào bán và sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán**

1. Mục đích chào bán để thực hiện các dự án PPP, cơ cấu lại nợ của doanh nghiệp dự án PPP.

2. Trong thời gian chưa giải ngân hết số tiền thu được từ đợt chào bán, Tổ chức phát hành có thể sử dụng số tiền chưa giải ngân để gửi tiết kiệm ngân hàng, mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, chứng chỉ tiền gửi của ngân hàng, phù hợp với phương án tài chính theo quy định của pháp luật PPP. Số tiền chưa giải ngân bao gồm tiền sử dụng theo các mục đích nêu trên không được sử dụng để cho vay, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Nguồn thu từ dự án phải được sử dụng theo đúng phương án tài chính đảm bảo phù hợp với hợp đồng dự án PPP và quy định của pháp luật PPP.

### **Điều 13. Việc thanh toán nợ lãi, gốc trái phiếu**

1. Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán nợ lãi, gốc trái phiếu đầy đủ, đúng hạn theo phương án phát hành được cấp có thẩm quyền thông qua và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư theo quy định. Tổ chức phát hành không được phân chia lợi nhuận cho chủ sở hữu, thành viên góp vốn; chi trả cổ tức cho cổ đông của tổ chức phát hành khi chưa thanh toán đầy đủ nợ lãi, gốc trái phiếu đến hạn.

2. Tổ chức phát hành phải đảm bảo tiền thanh toán nợ lãi, gốc trái phiếu được quản lý riêng biệt với các khoản thanh toán khác.

3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, trường hợp tổ chức phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu đến hạn, tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán và tổ chức phát hành nêu tại phương án phát hành trái phiếu và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư.

### **Điều 14. Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm**

1. Tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm phải chịu trách nhiệm giám sát,

quản lý tài sản bảo đảm để trả nợ lãi, gốc trái phiếu. Trường hợp tổ chức phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm có trách nhiệm xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

2. Đối với tài sản bảo đảm là quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, tổ chức nhận và quản lý tài sản bảo đảm là Ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng giữa các bên và theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 15. Báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán**

1. Tổ chức phát hành phải báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

a) Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động, tổ chức phát hành phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kết thúc các thời hạn nêu trên;

b) Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng thành viên, báo cáo chủ sở hữu công ty hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

2. Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán chỉ được thay đổi khi đáp ứng các quy định sau:

a) Việc thay đổi phương án sử dụng vốn phải đảm bảo phù hợp với mục đích chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 12 Nghị định này;

b) Được cấp có thẩm quyền của tổ chức phát hành thông qua;

c) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

3. Trong thời hạn 24 giờ ngay sau khi đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều

này về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, tổ chức phát hành có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán về lý do thay đổi kèm theo các quyết định về việc thay đổi.

### **Điều 16. Công bố thông tin**

Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Nghị định này cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, trong đó:

1. Tổ chức phát hành phải công bố thông tin định kỳ về tiến độ triển khai dự án PPP theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức phát hành phải công bố thông tin định kỳ về Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu phát hành. Trường hợp trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ lãi và gốc, tổ chức phát hành phối hợp với tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán công bố thông tin định kỳ về Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức thực hiện bảo lãnh thanh toán.

3. Tổ chức phát hành phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra những sự kiện ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm và khả năng thanh toán lãi, gốc trái phiếu; nêu rõ nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

## **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ....

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**